

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 10 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 08/10/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 127/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Dương Văn Q, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn D, xã D, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị C, anh Q (chị C xin vắng mặt, anh Q vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Văn Q vào ngày 13/02/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Y, tỉnh Nam Định; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 6/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là giữa chị và anh Q không hiểu nhau, thường xuyên cãi nhau. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải Q cho chị được ly hôn với anh Dương Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung là Dương Đức T, sinh ngày 15/3/2017 hiện nay cháu T đang ở cùng chị. Sau ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về T sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị C không yêu cầu Tòa án giải Q.

2. Trong quá trình giải Q vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh Q đến làm việc nhưng anh Q vắng mặt không lý do.

Ngày 30/8/2019 bà Đào Thị H là mẹ đẻ của anh Dương Văn Q có đơn đề nghị gửi Tòa án với nội dung: Anh Q và chị C kết hôn với nhau năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã D, trong quá trình chung sống anh Q, chị C hay cãi nhau nên gia đình bà rất buồn, gia đình bà đã khuyên dẫn nhưng anh chị vẫn không nghe. Hiện nay chị C đã bỏ về Hà Nam sinh sống từ tết. Nay chị C có đơn ly hôn anh Q, anh Q không nhất chí ly hôn nhưng bận công việc nên anh Q đề nghị Tòa án xin được đoàn tụ, thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh Q, anh Q đã nhận được nên anh có đề nghị Tòa án xem xét giải Q theo nguyện vọng của anh. Về con chung, anh Q và chị C có một con chung tên là Dương Văn T, sinh ngày 15/3/2017 hiện nay đang ở với chị C, nếu chị C xin ly hôn anh Q thì nguyện vọng của bà là để cháu T trong sổ hộ khẩu nhà bà, nếu cháu C đi lấy chồng khác thì để cháu T cho anh Q nuôi dưỡng. Về T sản chung, nợ chung và các vấn đề khác liên quan anh Q có ý kiến là không có gì, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Toà án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại buổi làm việc chị C có mặt, anh Q vắng mặt. Chị C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Q theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra Q định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị C có đề nghị xin giải Q vắng mặt. Anh Q mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải Q trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn chị Trần Thị C thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Dương Văn Q có nơi cư trú tại thôn Dương, xã D, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải Q vụ án chị C có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh Q mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị C và anh Dương Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh, chị bất đồng quan điểm, hay xảy ra va chạm, cãi vã và hiện nay đang sống ly thân nhau. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn với anh Q. Về phía anh Q, mặc dù anh có quan điểm xin được đoàn tụ, anh biết việc chị C xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập thể tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh Q vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị C nữa. Xét thấy trên thực tế chị C, anh Q đã sống ly thân nhau, hôn nhân giữa anh chị đã chấm dứt từ đầu năm 2019 đến nay. Trong quá trình giải Q vụ án, chị C kiên Q xin ly hôn, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh Q không có mặt, chị C có đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị C, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị C và anh Q có một con chung là Dương Đức T, sinh ngày 15/3/2017 hiện nay cháu T đang ở cùng chị C. Xét thấy, việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ vì vậy nguyện vọng xin được nuôi con sau khi ly hôn của các bên đương sự đều là nguyện vọng chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay con chung còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C, giao con chung cho chị nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về T sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị C, anh Q không yêu cầu giải Q nên Hội đồng xét xử không xem xét giải Q.

[3] Về án phí: Chị C phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị C và anh Dương Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Đức T, sinh ngày 15/3/2017 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Trần Thị C phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001159, ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Trần Thị C và anh Dương Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã D: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Anh